

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS) – ACETIC ACID 10%

Mục 1: Nhận dạng hóa chất

- Tên hóa chất: ACETIC ACID 10%
- Công thức phân tử: CH_3COOH
- CAS: 64-19-7
- Dạng: Lỏng không màu, mùi chua nhẹ
- Sử dụng: Phòng thí nghiệm, dung dịch chuẩn, thực phẩm (pha loãng)
- Nhà cung cấp:**
 - Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP.HCM, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

Mục 2: Nhận dạng mối nguy hại

Phân loại theo GHS:

- GHS05 – Ăn mòn
- GHS07 – Dấu chấm than

Câu cảnh báo (H-codes):

- H315:** Gây kích ứng da
- H319:** Gây kích ứng mắt

Câu phòng ngừa (P-codes):

- P264:** Rửa tay kỹ sau khi thao tác
- P280:** Mang găng tay và kính bảo hộ
- P302+P352:** Nếu tiếp xúc với da: Rửa kỹ bằng xà phòng và nước
- P305+P351+P338:** Nếu dính vào mắt: Rửa nhẹ nhàng bằng nước trong vài phút, bỏ kính áp tròng nếu có

Mục 3: Thành phần

Thành phần	CAS	Nồng độ
Axit Acetic	64-19-7	10%
Nước	7732-18-5	~90%

Mục 4: Biện pháp sơ cấp cứu

- Hít phải: Di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da: Rửa bằng nhiều nước nếu kích ứng xảy ra
- Tiếp xúc mắt: Rửa ngay bằng nước sạch ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế nếu cần
- Nuốt phải: Súc miệng, không gây nôn, đưa đến cơ sở y tế nếu cần

Mục 5: Biện pháp chữa cháy

- Phương tiện: Bột, CO_2 , bột khô
- Nguy cơ: Không cháy nhưng có thể làm tăng cháy nếu tiếp xúc chất dễ cháy
- Bảo hộ: Kính, găng tay, quần áo chống cháy

Mục 6: Biện pháp ứng phó sự cố

- Ngăn chặn tràn lan, dùng vật liệu hấp thụ trung tính
- Không đổ vào cống rãnh hoặc nguồn nước

Mục 7: Xử lý và bảo quản

- Sử dụng: Nơi thông thoáng, tránh hít hơi

- Bảo quản: Bình kín, nơi mát, tránh ánh sáng trực tiếp
-

Mục 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo hộ cá nhân

- Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Găng tay chống hóa chất
 - Hô hấp: Không cần nếu trong phòng thoáng khí
-

Mục 9: Tính chất lý hóa

- Trạng thái: Lỏng không màu
 - Mùi: Chua nhẹ
 - Nhiệt độ sôi: ~100–101°C
 - Nhiệt độ nóng chảy: ~0°C
 - Độ tan trong nước: Tan hoàn toàn
 - pH (dung dịch 1 M): ~3.8–4.0
-

Mục 10: Tính ổn định và phản ứng

- Ổn định trong điều kiện bình kín
 - Tránh nhiệt, lửa, hợp chất oxy hóa mạnh
 - Phản ứng nguy hiểm: phản ứng với bazơ mạnh, hợp chất kiềm
-

Mục 11: Thông tin độc tính

- Độc tính thấp ở nồng độ 10%
 - Gây kích ứng da và mắt nhẹ
-

Mục 12: Thông tin sinh thái

- Pha loãng nên ít tác động sinh thái
 - Dễ phân hủy sinh học
-

Mục 13: Xử lý chất thải

- Thu gom vào thùng chịu hóa chất
 - Pha loãng và xả theo quy định
-

Mục 14: Vận chuyển

- UN Number: Không áp dụng (dung dịch ≤20%)
 - Loại nguy hiểm: Không phân loại
 - Tuân thủ vận chuyển nội địa
-

Mục 15: Thông tin quy định

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
 - Hóa chất pha loãng, nguy cơ thấp, cần bảo quản thông thường
-

Mục 16: Thông tin khác

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: GHS Purple Book, Sigma-Aldrich SDS, PubChem
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát

- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế